

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 398/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hồ Hoài A, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã TN, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Chị Vi Thị D, sinh năm 1994. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã TN, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồ Hoài A trình bày:**

Anh và chị Vi Thị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2018; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị D về sống với gia đình chị D tại thôn 12, xã TN. Trong cuộc sống hôn nhân hai bên không thống nhất được với nhau trong

việc làm ăn, các sinh hoạt trong gia đình, mỗi người một tính cách. Từ đó thường xuyên cãi vã nên khoảng hơn 01 năm trở lại đây anh và chị D sống ly thân, chị D đi làm công nhân ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thỉnh thoảng mới trở về. Còn anh thì cũng đi làm thuê ở nhiều nơi, không ổn định. Mâu thuẫn giữa anh và chị D không thể hòa giải, cha mẹ chị D cũng biết nhưng không đứng ra hòa giải. Chị D nhiều lần yêu cầu chấm dứt hôn nhân với anh. Anh thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với chị D. Anh và chị D có 01 con chung là Hồ Thị Hoài Th, sinh ngày 13/4/2019. Anh và chị D thống nhất để chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh không yêu cầu giải quyết chia tài sản và nợ chung.

**** Bị đơn chị Vi Thị D tại bản tự khai ngày 11/11/2021 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh A là tự nguyện, hai bên tìm hiểu và chung sống từ năm 2018. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T. Trong cuộc sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không thống nhất trong việc làm ăn, các sinh hoạt trong gia đình, mỗi người một tính cách, thường xuyên cãi vã nên khoảng hơn 01 năm trở lại đây hai bên đã sống ly thân. Mâu thuẫn giữa hai bên cha mẹ đều biết nhưng không thể hòa giải. Chị cũng thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không còn tình cảm nên thuận tình ly hôn với anh A.

Về con chung: Xác nhận có 01 con chung tên là Hồ Thị Hoài Th, sinh ngày 13/4/2019, hiện nay do chị đang nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh A không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có ý kiến hoặc yêu cầu gì thêm.

**** Tại văn bản phúc đáp số 633/UBND, ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã TN phúc đáp Công văn số 340/CV-TA, ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B thể hiện:*** Anh Hồ Hoài A và vợ là Vi Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 12, xã TN. Tuy nhiên, Ủy ban Nhân dân xã TN không biết được trong thời gian chung sống anh Hồ Hoài A và chị Vi Thị D có phát sinh mâu thuẫn gia đình hay không. Do các hộ dân nêu trên không yêu cầu ban quản lý thôn hoặc Ủy ban xã tổ chức hòa giải tranh chấp khi có mâu thuẫn gia đình nên ban quản lý thôn và Ủy ban nhân dân xã cũng không tổ chức hòa giải cho các bên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết các đương sự có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của anh Hồ Hoài A: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh A và chị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2018; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 02/5/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị D là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về tình trạng mâu thuẫn: Quá trình giải quyết các bên đều xác nhận, trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong công việc làm ăn, mỗi người một tính cách, không thông cảm, chia sẻ các công việc trong gia đình nên thường xuyên cãi vã. Khoảng hơn 01 năm trở lại đây anh A và chị D sống ly thân. Quá trình sống ly thân không hàn gắn được tình cảm. Hai bên gia đình cũng biết mâu thuẫn nhưng không thể hòa giải. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa anh A và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án chị D cũng đồng ý thuận tình ly hôn nhưng cả hai bên đều từ chối tham gia hòa giải và xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự mà cần giải quyết cho anh A được ly hôn với chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự thể hiện anh A và chị D có 01 con chung là Hồ Thị Hoài Th, sinh ngày 13/4/2019, hiện nay chị D đang nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy: Con chung của anh A và chị D chưa đủ 36 tháng tuổi. Quá trình giải quyết anh A và chị D đều TN để chị D có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Việc thỏa thuận của các bên không trái quy định pháp luật và phù hợp với lợi ích của con chưa thành niên. Tuy nhiên, các bên không tham gia hòa giải nên Tòa án không có cơ sở ghi nhận. Vì vậy, cần tuyên giao con chung cho chị D nuôi dưỡng; các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; các bên có quyền thăm **nom** con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh A và chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Hoài A đối với bị đơn chị Vi Thị D; anh Hồ Hoài A được ly hôn với chị Vi Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung Hồ Thị Hoài Th, sinh ngày 13/4/2019 cho chị Vi Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Hồ Hoài A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000093 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình